

Danh mục gói thầu: Trang phục nhân viên y tế năm 2026
(Kèm theo Công văn số 1081 /YCBG-BVBT ngày 12 tháng 5 năm 2026)

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
1	Trang phục khối hành Chính	<p>Áo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Vải basic chất liệu tre bombo + Tiêu chí kỹ thuật vải: + Khối lượng vải (G/M2): 154,3(±2); + Mật độ vải (sợi/10cm) : chiều dọc 276(±2) x chiều ngang 260(±2); + Sự thay đổi kích thước sau giặt ở 40oC (%):chiều dọc -0,9 (±0,1) x chiều ngang : -0,9(±0,1); + Độ bền màu ở 40oC (cấp): Phai màu cấp 4-5; + Định lượng và định tính nguyên liệu (%): polyester 66,5 (±2)% ; cotton 33,5(±2) % + Kiểu dáng: Áo sơ mi dài tay hoặc ngắn tay. Quần đối với nam: - Màu sắc: Màu đen hoặc xanh đen -Chất liệu: Vải Cashmere -Tiêu chí kỹ thuật vải: + Khối lượng vải (G/M2): 310,3(±2) + Mật độ vải (sợi/10cm) : chiều dọc 796(±2) x chiều ngang 374(±2); + Sự thay đổi kích thước sau giặt ở 40oC (%):chiều dọc:-0,5 (±0,1)x chiều ngang:-0,5(±0,1); + Độ bền màu ở 40oC (cấp): Phai màu cấp 4; + Định lượng và định tính nguyên liệu (%):polyester 73,7 (±2)%; Rayon 21,6 (±2)%, Spandex 4,7(±2) %. <p>Quần hoặc chân váy đối với nữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu đen - Chất liệu: Vải thun tuyệt - Tiêu chí kỹ thuật vải: + Khối lượng vải (G/M2): 252,7(±2); + Mật độ vải (sợi/10cm): chiều dọc 452(±2) x chiều ngang 336(±2) + Sự thay đổi kích thước sau giặt ở 40oC (%):chiều dọc -0,5 (±0,1) x chiều ngang -0,1(±0,1) + Độ bền màu ở 40oC (cấp): Phai màu cấp 4-5; + Định lượng và định tính nguyên liệu (%): polyester 71,9(±2)%; Rayon 23,9(±2)%, Spandex 4,2(±2)%. - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo. Chân váy dài qua gối. -May theo các size - In logo bệnh viện 	Bộ	186
2	Trang phục nữ văn phòng (Áo dài)	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu vải Thái Tuấn hoặc tương đương - May theo các size 	Bộ	19

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
3	Trang phục nam, nữ y tế Điều dưỡng, hộ sinh (mỗi bộ có nón ba lá đối với nữ, nón tròn đối với nam+ khẩu trang)	<p>Áo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu trắng. - Chất liệu: Vải Kate - Tiêu chí kỹ thuật vải: + Khối lượng vải (G/M2): 154,3(±2); + Mật độ vải (sợi/10cm) : chiều dọc 276(±2) x chiều ngang 260(±2); + Sự thay đổi kích thước sau giặt ở 40oC (%):chiều dọc:-0,9 (±0,1)x chiều ngang: -0,9(±0,1); + Độ bền màu ở 40oC (cấp): Phai màu cấp 4-5; + Định lượng và định tính nguyên liệu (%): polyester 66,5 (±2)% ; cotton 33,5(±2) % + Kiểu dáng: Áo blouse cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, chiều dài áo trên gối, kiểu ngắn tay, phía trước có 2 túi cho nữ, 3 túi cho nam, (túi áo, tay áo, và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0.5cm) có khuy cài biên công tác trên ngực trái, phía sau xê giữa tới ngang mông. <p>Quần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu trắng. - Chất liệu: Vải kaki - Tiêu chí kỹ thuật vải: + Khối lượng vải (G/M2): 265,6(±2); + Mật độ(Sợi/10 cm): chiều dọc 396(±2) x chiều ngang 300(±2); + Sự thay đổi kích thước sau giặt ở 40oC (%): chiều dọc: -0,4 (±0,1) x chiều ngang: -0,3(±0,1); + Độ bền màu ở 40oC: Phai màu cấp: 4- 5; + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 76,5(±2)%, Cotton: 19,8(±2)%, Spandex: 3,7(±2)% - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. <p>Mũ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Theo màu sắc của áo - Chất liệu: Theo chất liệu của áo -May theo các size - In logo bệnh viện 	Bộ	722
4	Trang phục y tế Đầm Điều dưỡng(mỗi bộ có nón ba lá + khẩu trang)	<p>Áo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu trắng. - Chất liệu: Vải bố tuyết - Tiêu chí kỹ thuật vải: + Khối lượng vải Khối lượng vải (G/M2): 173,6. + Mật độ vải (sợi/10cm) : chiều dọc 276(±2) x chiều ngang 260(±2); + Sự thay đổi kích thước sau giặt ở 40oC (%):chiều dọc:-0,9 (±0,1)x chiều ngang: -0,9(±0,1); + Độ bền màu ở 40oC (cấp): Phai màu cấp 4-5; + Định lượng và định tính nguyên liệu (%): polyester 66,5 (±2)% ; cotton 33,5(±2) % + Kiểu dáng: Váy liền quần, cổ 2 ve, cài cúc giữa đến eo, phía sau có khóa kéo, 2 túi chéo, chiều dài ngang gối. (túi áo, tay áo, và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0.5cm) <p>Mũ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Theo màu sắc của áo - Chất liệu: Theo chất liệu của áo -May theo các size - In logo bệnh viện 	Bộ	55

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
5	Trang phục nam, nữ y tế Bác sĩ(mỗi bộ có nón tròn + khâu trang)	<p>Áo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu trắng. - Chất liệu: Vải Kaki - Tiêu chí kỹ thuật vải: <p>Khối lượng vải (G/M2): 247,3.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mật độ vải (dọc x ngang) (sợi/10cm): chiều dọc 460; chiều ngang 337 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): Dọc -1,1; Ngang -0,1. - Độ bền màu giặt ở 400C: Phai màu cấp 4-5. - Định tính và định lượng nguyên liệu: Polyester 75,6% ; Rayon 21,7%(±3); Spandex 2,5% - Kiểu dáng: Áo blouse cổ bẻ ve (cổ vest y tế), cài cúc giữa, kiểu tay ngắn hoặc tay dài, chiều dài áo ngang gối, 01 túi ngực trái, 02 túi dưới thân áo có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang mông có đai ngang, thêu logo Bệnh viện. <p>Quần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu trắng. - Chất liệu: Vải Kaki - Tiêu chí kỹ thuật vải: <p>+ Khối lượng vải (G/M2): 265,6(±2);</p> <p>+ Mật độ(Sợi/10 cm): chiều dọc 396(±2) x chiều ngang 300(±2);</p> <p>+ Sự thay đổi kích thước sau giặt ở 40oC (%): chiều dọc: -0,4 (±0,1) x chiều ngang: -0,3(±0,1);</p> <p>+ Độ bền màu ở 40oC: Phai màu cấp: 4- 5;</p> <p>+ Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 76,5(±2)%, Cotton: 19,8(±2)%, Spandex: 3,7(±2)%</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. Mũ: - Màu sắc: Theo màu sắc của áo - Chất liệu: Theo chất liệu của áo -May theo các size - In logo bệnh viện 	Bộ	357

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
6	Trang phục y tế kỹ thuật viên, cử nhân, kỹ sư và các chức danh khác làm việc chuyên môn tại Lâm sàng và Cận lâm sàng (mỗi bộ có nón tròn + khẩu trang)	<p>Áo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu trắng. - Chất liệu: Vải Kate - Tiêu chí kỹ thuật vải: + Khối lượng vải (G/M2): 154,3(±2); + Mật độ vải (sợi/10cm) : chiều dọc 276(±2) x chiều ngang 260(±2); + Sự thay đổi kích thước sau giặt ở 40oC (%):chiều dọc: -0,9 (±0,1)x chiều ngang: -0,9(±0,1); + Độ bền màu ở 40oC (cấp): Phai màu cấp 4-5; + Định lượng và định tính nguyên liệu (%): polyester 66,5 (±2)% ; cotton 33,5(±2) % <p>- Kiểu dáng: Áo kiểu dài tay hoặc ngắn tay, cổ 2 ve, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang mông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên công tác trên ngực trái.</p> <p>Quần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu trắng. - Chất liệu: Vải Kaki - Tiêu chí kỹ thuật vải: + Khối lượng vải (G/M2): 265,6(±2); + Mật độ(Sợi/10 cm): chiều dọc 396(±2) x chiều ngang 300(±2); + Sự thay đổi kích thước sau giặt ở 40oC (%): chiều dọc: -0,4 (±0,1) x chiều ngang: -0,3(±0,1); + Độ bền màu ở 40oC: Phai màu cấp: 4- 5; + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 76,5(±2)%, Cotton: 19,8(±2)%, Spandex: 3,7(±2)% - <p>Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.</p> <p>Mũ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Theo màu sắc của áo - Chất liệu: Theo chất liệu - May theo các size - In logo bệnh viện 	Bộ	118

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
7	Trang phục y tế Dược sĩ(mỗi bộ có nón tròn + khẩu trang)	<p>Áo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu trắng. - Chất liệu: Vải Kate - Tiêu chí kỹ thuật vải: + Khối lượng vải (G/M2): 154,3(±2); + Mật độ vải (sợi/10cm) : chiều dọc 276(±2) x chiều ngang 260(±2); + Sự thay đổi kích thước sau giặt ở 40oC (%): chiều dọc:-0,9 (±0,1)x chiều ngang: -0,9(±0,1); + Độ bền màu ở 40oC (cấp): Phai màu cấp 4-5; + Định lượng và định tính nguyên liệu (%): polyester 66,5 (±2)% ; cotton 33,5(±2) % <p>- Kiểu dáng: Áo blouse, kiểu dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, , phía trước có 2 túi chéo và 1 túi ngực, có khuy cài biển tên công tác trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông.</p> <p>Quần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu trắng. - Chất liệu: Vải Kaki - Tiêu chí kỹ thuật vải: + Khối lượng vải (G/M2): 265,6(±2); + Mật độ(Sợi/10 cm): chiều dọc 396(±2) x chiều ngang 300(±2); + Sự thay đổi kích thước sau giặt ở 40oC (%):chiều dọc: -0,4 (±0,1) x chiều ngang: -0,3(±0,1); + Độ bền màu ở 40oC: Phai màu cấp: 4- 5; + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 76,5(±2)%, Cotton: 19,8(±2)%, Spandex: 3,7(±2)% <p>- Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.</p> <p>Mũ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Theo màu sắc của áo - Chất liệu: Theo chất liệu của áo - May theo các size - In logo bệnh viện 	Bộ	56

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
8	Trang phục khoa phẫu thuật (mỗi bộ có nón tròn + khẩu trang)	<p>Áo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu xanh cổ vịt. - Chất liệu: Vải Kate silk - Kiểu dáng: Áo kiểu ngắn tay, cổ trái tim, chui đầu, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. - Tiêu chí kỹ thuật vải: + Khối lượng vải (G/M2): 148,3(±2) + Mật độ vải (sợi/10cm): chiều dọc 520(±2) x chiều ngang 224 (±2) + Sự thay đổi kích thước sau giặt ở 40oC (%):chiều dọc: -0,9 (±0,1) x chiều ngang: -0,5 (±0,1) + Độ bền màu ở 40oC (cấp): Phai màu cấp 4-5. + Định lượng và định tính nguyên liệu (%): polyester 64,1(±2)%; cotton 35,9(±2)%. <p>Quần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu xanh cổ vịt. - Chất liệu: Vải Kaki. - Tiêu chí kỹ thuật vải: + Khối lượng vải (G/M2): 220,1(±2). + Mật độ vải (sợi/10cm): chiều dọc 432 (±2)x chiều ngang 208 (±2). + Sự thay đổi kích thước sau giặt ở 40oC (%): chiều dọc: -0,7 (±0,1) x chiều ngang:-0,1(±0,1). + Độ bền màu ở 40oC (cấp): Phai màu cấp 4-5. + Định lượng và định tính nguyên liệu (%): polyester 86,3(±2)% ; cotton 13,7(±2) % - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. <p>Mũ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Theo màu sắc của áo - Chất liệu: Theo chất liệu của áo - May theo các size - In logo bệnh viện 	Bộ	44

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
9	Trang phục y tế dinh dưỡng(mỗi bộ có nón tròn + khẩu trang)	<p>Áo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu trắng. - Chất liệu: Vải Kate - Tiêu chí kỹ thuật vải: - Khối lượng vải (G/M2): 154,3(±2); + Mật độ vải (sợi/10cm) : chiều dọc 276(±2) x chiều ngang 260(±2); + Sự thay đổi kích thước sau giặt ở 40oC (%):chiều dọc: -0,9 (±0,1) x chiều ngang: -0,9 (±0,1); + Độ bền màu ở 40oC (cấp): Phai màu cấp 4-5; + Định lượng và định tính nguyên liệu (%): polyester 66,5 (±2)% ; cotton 33,5(±2) % - Kiểu dáng: Áo kiểu ngắn tay, cổ chữ U, Cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi đối với nam, 2 túi đối với nữ, có khuy cài biển tên công tác trên ngực trái <p>Quần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu trắng. - Chất liệu: Vải Kaki - Tiêu chí kỹ thuật vải: + Khối lượng vải (G/M2): 265,6(±2); + Mật độ(Sợi/10 cm): chiều dọc 396(±2) x chiều ngang 300 (±2); + Sự thay đổi kích thước sau giặt ở 40oC (%): chiều dọc:-0,4(±0,1) x chiều ngang: -0,3(±0,1); + Độ bền màu ở 40oC: Phai màu cấp: 4- 5; + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 76,5(±2)%, Cotton: 19,8(±2)%, Spandex: 3,7(±2)% - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. <p>Mũ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Theo màu sắc của áo - Chất liệu: Theo chất liệu của áo <p>* Đối với nhân viên chế biến thức ăn có thêm tạp dề để không cò, có hai dây đai, chiều dài ngang gối, phía sau buộc dây.</p> <ul style="list-style-type: none"> - May theo các size - In logo bệnh viện 	Bộ	12

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
10	Trang phục kỹ sư thiết bị y tế, nhân viên bảo trì	<p>Áo: - Màu sắc: Màu xanh đen - Chất liệu: Vải Kate ford - Tiêu chí kỹ thuật vải: + Khối lượng vải (G/M2): 119,1(±2) + Mật độ(Sợi/10 cm): chiều dọc 456(±2) x chiều ngang: 316(±2); + Độ bền màu ở 40oC: Phai màu cấp: 4-5, + Sự thay đổi kích thước sau giặt ở 40oC (%): chiều dọc: 0,0(±0,1) x chiều ngang: -0,2(±0,1), + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 100 %. - Kiểu dáng: Áo kiểu budong ngắn tay, tay lơ vê, có nẹp cầu vai,2 túi có nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái.</p> <p>Quần: - Màu sắc: Màu xanh đen. - Chất liệu: Vải Cashmere - Tiêu chí kỹ thuật vải: + Khối lượng vải (G/M2): 254,6(±2); + Mật độ(Sợi/10 cm): chiều dọc 460(±2)x chiều ngang 248 (±2); + Độ bền màu ở 40oC: Phai màu cấp: 4- 5; + Sự thay đổi kích thước sau giặt ở 40oC (%): chiều dọc:-1,5 (±0,1) x chiều ngang: -0,2(±0,1); + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 78,7(±2) %, Cotton: 21,3(±2) %. - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, có 1 túi sau. - May theo các size - In logo bệnh viện</p>	Bộ	26
11	Trang phục nhân viên lái xe	<p>Áo: - Màu sắc: Màu xanh lam - Chất liệu: Vải Kate silk - Tiêu chí kỹ thuật vải: + Khối lượng vải (G/M2): 119,1(±2) + Mật độ(Sợi/10 cm): chiều dọc 456(±2) x chiều ngang: 316(±2); + Độ bền màu ở 40oC: Phai màu cấp: 4-5, + Sự thay đổi kích thước sau giặt ở 40oC (%): chiều dọc: 0,0(±0,1) x chiều ngang: -0,2(±0,1), + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 100 %. - Kiểu dáng: Áo kiểu budong ngắn tay, tay lơ vê, có nẹp cầu vai,2 túi có nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái.</p> <p>Quần: - Màu sắc: Màu đen hoặc xanh đen. - Chất liệu: Vải Cashmere - Tiêu chí kỹ thuật vải: + Khối lượng vải (G/M2): 254,6(±2); + Mật độ(Sợi/10 cm): chiều dọc 460(±2)x chiều ngang 248 (±2); + Độ bền màu ở 40oC: Phai màu cấp: 4- 5; + Sự thay đổi kích thước sau giặt ở 40oC (%): chiều dọc:-1,5 (±0,1) x chiều ngang: -0,2(±0,1); + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 78,7(±2) %, Cotton: 21,3(±2) %. - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, có 1 túi sau. - May theo các size - In logo bệnh viện</p>	Bộ	14

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
-----	-------------------	--	-------------	----------